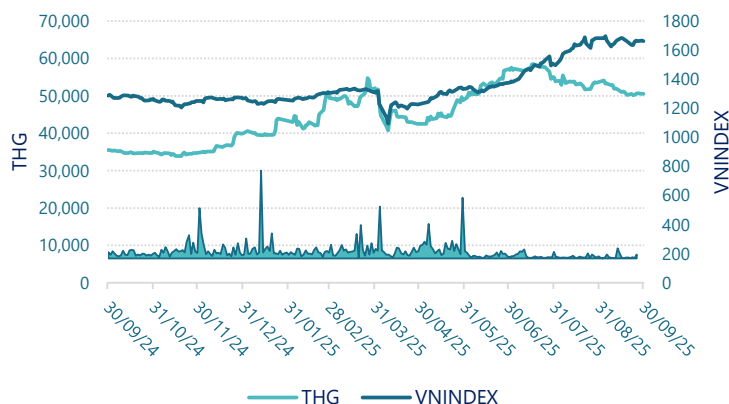


CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (HSX: THG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	50,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,882
SL cổ phiếu LH	31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,860
% sở hữu nước ngoài	3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,572
P/E	9.2
EPS	5,503

DT thuần

Q3/25

566

tỷ VNĐ

QoQ: ▼59.0 | -9.4%

YoY: ▲18.0 | 3.4%

LN sau thuế

Q3/25

46.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲4.70 | 11.4%

YoY: ▼5.20 | -10.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.2%

+/- YoY: ▼0.7%

DT thuần

9T 2025

1,706

tỷ VNĐ

YoY: ▲457 | 36.5%

LN sau thuế

9T 2025

120

tỷ VNĐ

YoY: ▲32.5 | 36.6%

ROE

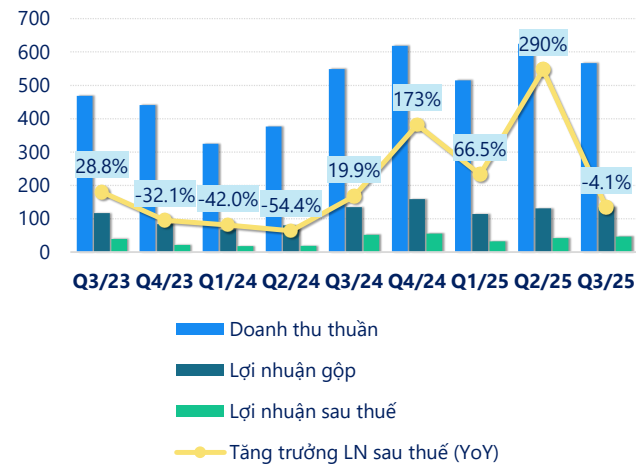
Q3/25

23.1%

+/- YoY: ▲7.6%

tỷ VNĐ

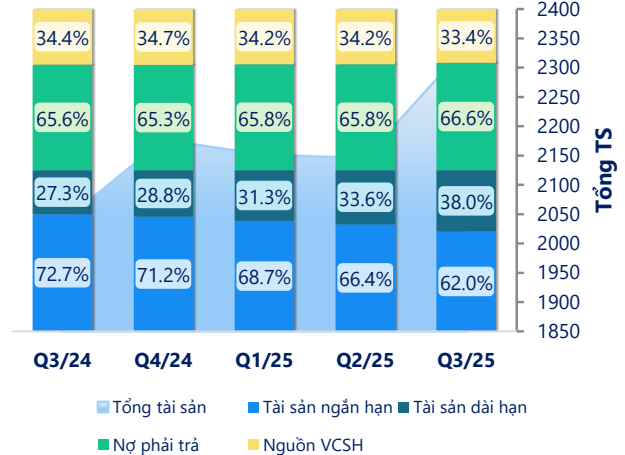
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

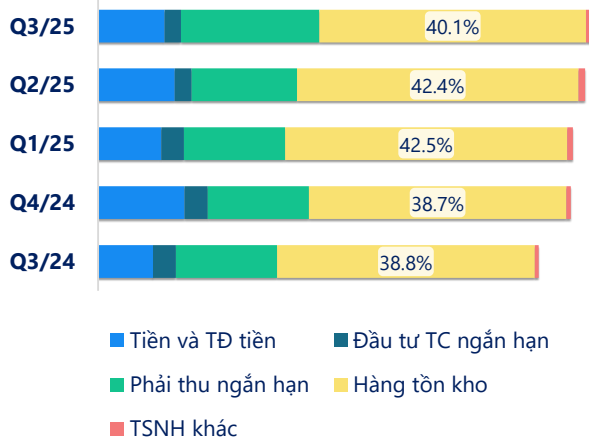
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



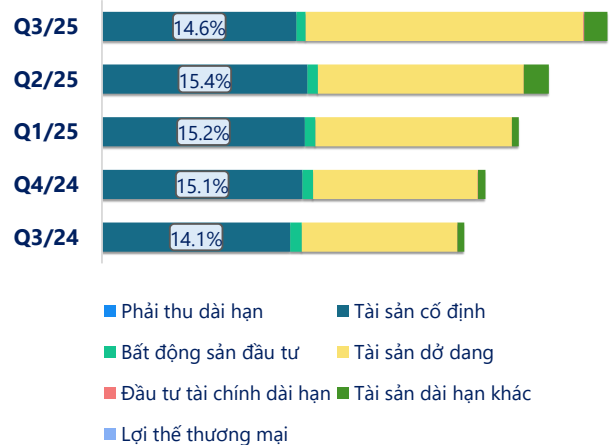
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

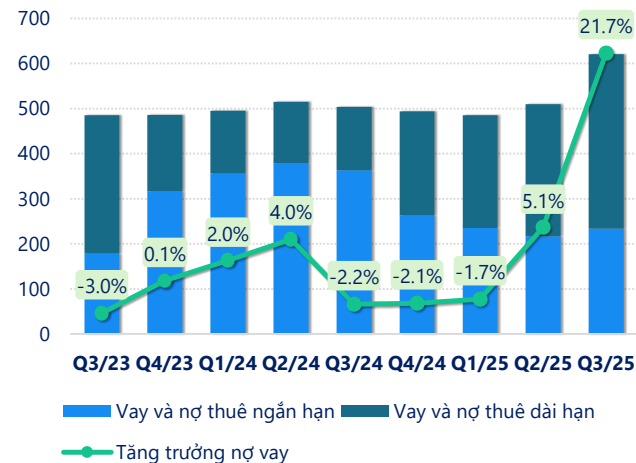
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

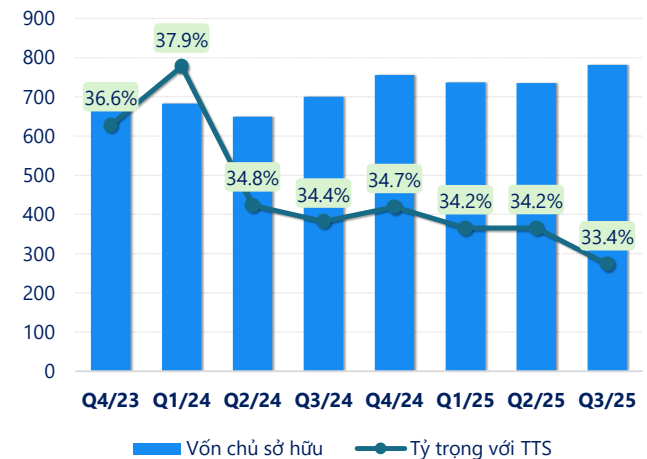
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

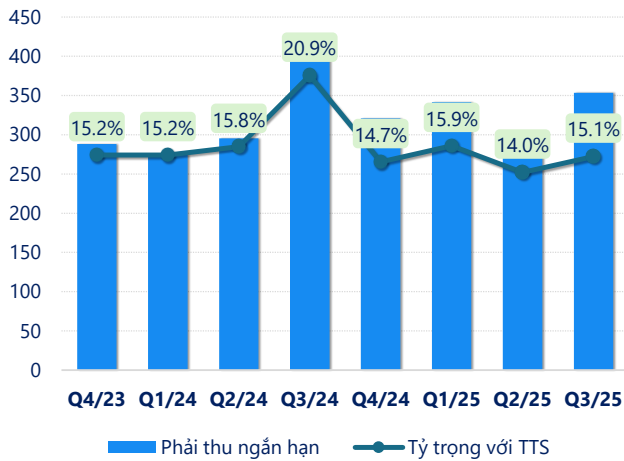
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



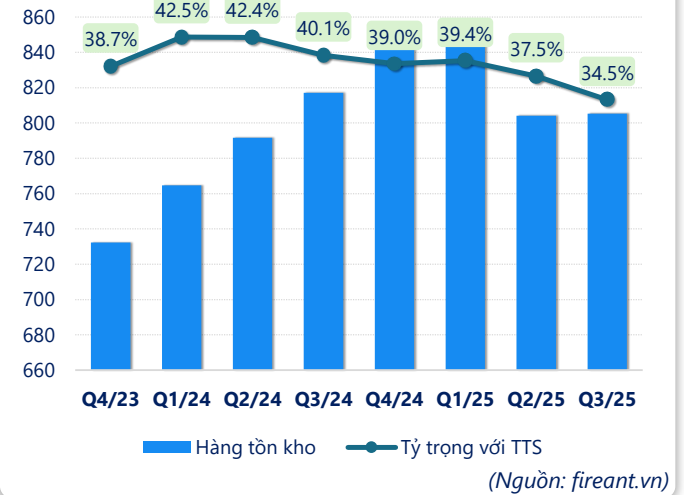
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


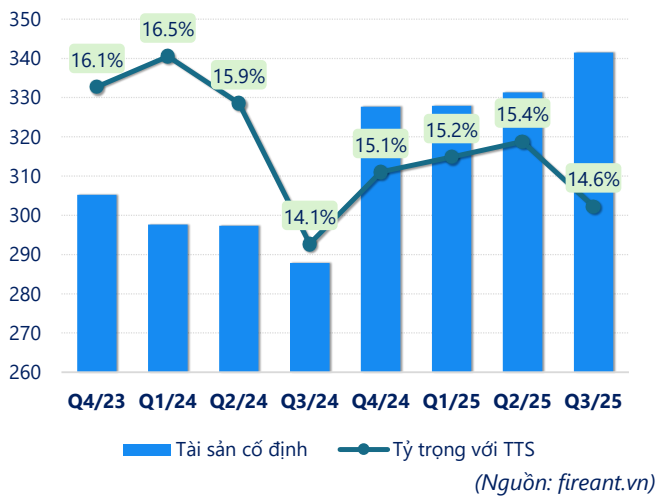
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


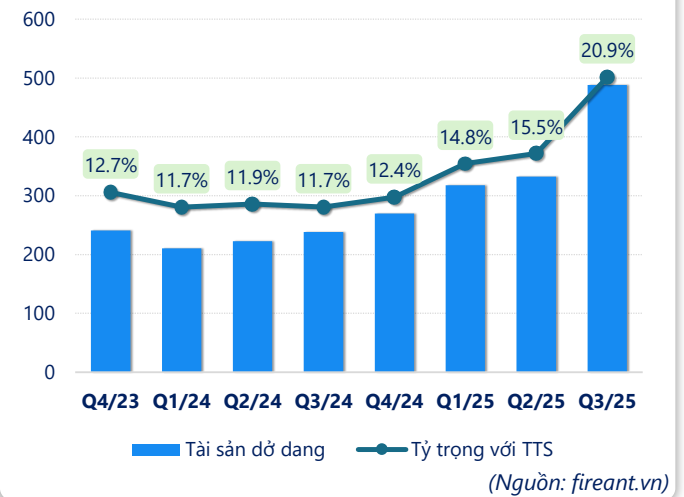
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

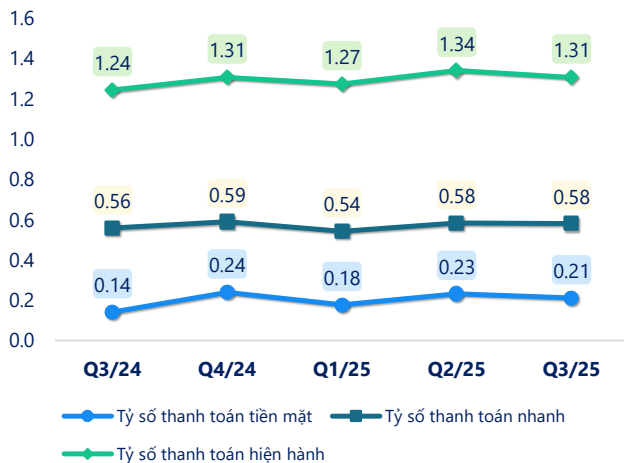
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

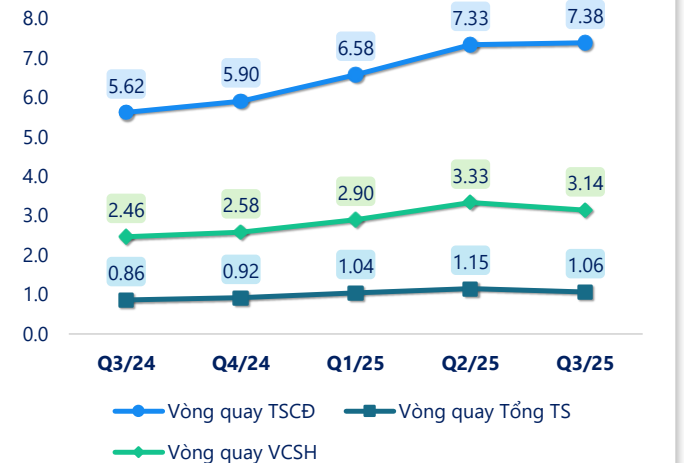
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,036	2,177	2,151	2,146	2,337
Tài sản ngắn hạn	1,481	1,549	1,477	1,425	1,448
Tiền và tương đương tiền	168	283	205	247	233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	69.7	54.3	45.2	24.6
Phải thu ngắn hạn	425	321	342	300	353
Hàng tồn kho	817	850	848	804	805
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	25.3	27.7	27.9	31.4
Tài sản dài hạn	555	628	674	721	888
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.33	0.33	0.34
Tài sản cố định	288	328	328	331	342
Bất động sản đầu tư	18.0	17.6	17.2	16.9	16.5
Tài sản dở dang	238	270	318	332	488
Đầu tư tài chính dài hạn	0.34	0.36	0.27	0.34	1.39
Tài sản dài hạn khác	10.4	12.1	10.9	40.0	40.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,336	1,421	1,415	1,411	1,556
Nợ ngắn hạn	1,190	1,185	1,159	1,062	1,108
Vay và nợ thuê ngắn hạn	363	263	235	217	234
Phải trả người bán ngắn hạn	419	456	450	434	477
Nợ dài hạn	146	236	256	349	448
Vay và nợ thuê dài hạn	141	231	250	293	387
Nguồn vốn chủ sở hữu	700	756	737	735	781
Vốn chủ sở hữu	700	756	737	735	781
Vốn điều lệ	259	259	259	311	311
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)